

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên
tòa:** Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên

Ngày 12/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10/6/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: số 44, tổ 1, ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Chị Trần Thị Em B, sinh năm 1988

Địa chỉ: số 219, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Anh T và chị Em B cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Em B kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/4/2016; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh chị ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, anh đã bỏ về gia đình ruột sống và không liên lạc gì với chị Em B nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Em B nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Em B, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Trần Thị Em B có 1 con chung là: Nguyễn Gia B1, sinh ngày 08/02/2018. Anh yêu cầu để chị Trần Thị Em B trực tiếp nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ở xa, điều kiện đi lại khó khăn nên anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Theo bị đơn chị Trần Thị Em B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Em B đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Em B và anh Nguyễn Văn T có 1 con chung là: Nguyễn Gia B1, sinh ngày 08/02/2018. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Em B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Em B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm ăn xa nên chị Em B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn chị Trần Thị Em B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng trong giai đoạn hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Em B và yêu cầu để chị Em B trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn chị Trần Thị Em B hiện đang cư trú tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị Em B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/4/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, anh T cho rằng anh và chị Em B bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, anh T đã bỏ về gia đình ruột sống tại Tiền Giang và không liên lạc gì với chị Em B nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Em B nữa nên xin được ly hôn. Về phía chị Em B, tuy không trình bày rõ giữa chị và T có mâu thuẫn gì hay không nhưng khi anh T nộp đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy, hiện tại anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B có 1 con chung là cháu Nguyễn Gia B1, sinh ngày 08/02/2018 hiện đang sống với chị Em B. Anh T yêu cầu để chị Em B là người tiếp tục nuôi cháu B1, anh không cấp dưỡng nuôi con. Chị Em B cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Nguyễn Gia B1 còn rất nhỏ, hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Phía chị Em B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B1 thì anh T cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Trần Thị Em B là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B1 cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi. Xét việc chị Em B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T đối với bị đơn chị Trần Thị Em B, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Em B.

- Về con chung: Chị Trần Thị Em B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Gia B1, sinh ngày 08/02/2018 cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị Em B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn Văn T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007927

ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Em B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương